

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIỆN MÔI TRƯỜNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIỆN MÔI TRƯỜNG

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NCKH CẤP TRƯỜNG

Đề tài: “ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TIẾT KIỆM NĂNG
LƯỢNG NHẪM THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chủ nhiệm đề tài : THS.TRẦN ANH TUẤN

Hải Phòng, tháng 5/2016

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH.....	3
1.1.CÁC KHÁI NIỆM VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH.....	6
1.2.KINH NGHIỆM TĂNG TRƯỞNG XANH TRÊN THẾ GIỚI.....	8
1.3.TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI VIỆT NAM.....	11
1.3.1. Thực tiễn tăng trưởng xanh ở Việt Nam.	11
1.3.2. Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam.....	13
CHƯƠNG 2. TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI HẢI PHÒNG	17
2.1. HIỆN TRẠNG TĂNG TRƯỞNG CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	17
2.2. NHỮNG CƠ HỘI TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA HẢI PHÒNG	20
2.3. KẾ HOẠCH TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA HẢI PHÒNG.....	23
CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI HẢI PHÒNG	26
3.1. GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN	26
3.1.1. Mục tiêu.....	26
3.1.2. Giải pháp định hướng.....	26
3.2. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG	27
3.2.1. Mục tiêu.....	27
3.2.2. Giải pháp định hướng.....	28
3.3. GIẢI PHÁP CHO LĨNH VỰC GIAO THÔNG.....	30
3.3.1. Mục tiêu.....	30
3.3.2. Giải pháp định hướng.....	30
3.4. GIẢI PHÁP CHO LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC	32
3.4.1. Mục tiêu.....	32
3.4.2. Giải pháp định hướng.....	33
KẾT LUẬN	35

DANH MỤC VIẾT TẮT

BCHTW: Ban chấp hành trung ương

CNH, HĐH: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa

KCN: Khu công nghiệp

PTBV: Phát triển bền vững

ESCAP: (The Economic and Social Commission for Asia and the Pacific) Ủy ban kinh tế - xã hội châu Á Thái Bình Dương

OECD: (Organization for Economic Co-operation and Development) Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế

UNEP: (United Nations Environment Programme) Chương trình môi trường Liên hợp quốc

WEF: (World Economic Forum) Diễn đàn kinh tế thế giới

MỞ ĐẦU

- Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Tăng trưởng xanh đang là xu thế tất yếu của toàn thế giới trong giai đoạn hậu khủng hoảng kinh tế và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế này, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động Quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020. Để triển khai Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, thành phố Hải Phòng cũng đã xây dựng Chương trình hành động chiến lược tăng trưởng xanh của Thành phố Hải Phòng. Mục tiêu phát triển của thành phố Hải Phòng là trở thành “Thành phố Cảng xanh” (Green Port City). Do vậy, các giải pháp cụ thể để thúc đẩy tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng là rất cần thiết để cụ thể hóa mục tiêu phát triển của thành phố.

- Tổng quan về tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài

Các nghiên cứu về tăng trưởng xanh của các quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam đã và đang được triển khai nhiều. Tại Hải Phòng, nhiều hội thảo về tăng trưởng xanh cho thành phố cũng đã được tổ chức với sự tham gia của nhiều nhà khoa học, nhà quản lý kinh tế trong nước và quốc tế. Hải Phòng cũng đang nhận được sự giúp đỡ của tổ chức Hợp tác phát triển kinh tế (OECD) để hoạch định chính sách xây dựng mô hình tăng trưởng xanh cho thành phố. UBND thành phố Hải Phòng cũng đang kết hợp với chính quyền thành phố Kitakyusyu (Nhật Bản) xây dựng quy hoạch thúc đẩy tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng.

- Mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Mục tiêu của đề tài là đề xuất một số giải pháp về bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng để góp phần triển khai quy hoạch thúc đẩy tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng đã được phê duyệt.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả đã được đề cập trong quy hoạch thúc đẩy tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là các lĩnh vực quản lý chất thải, giao thông công cộng, sử dụng năng lượng và cấp thoát nước của thành phố Hải Phòng.

- Phương pháp nghiên cứu, kết cấu của công trình nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu như tìm hiểu tài liệu, thu thập số liệu, phân tích đánh giá số liệu, tổng hợp ý kiến chuyên gia, phân tích so sánh.

Kết cấu của đề tài bao gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về tăng trưởng xanh

Chương 2: Tăng trưởng xanh tại Hải Phòng

Chương 3: Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh cho thành phố Hải Phòng.

- Kết quả đạt được của đề tài

Đề tài đã đề xuất được một số giải pháp cụ thể cho 4 lĩnh vực của thành phố Hải Phòng. Cụ thể:

- + Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp của thành phố.
- + Các giải pháp nâng cao năng lực hoạt động vận chuyển hành khách công cộng của thành phố và các giải pháp tăng cường giao thông thân thiện môi trường.
- + Các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong chiếu sáng công cộng, hoạt động của các tòa nhà văn phòng cơ quan quản lý nhà nước.
- + Các giải pháp về cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn và hoàn thiện hệ thống thoát nước cho khu vực nội thành.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH

1.1. CÁC KHÁI NIỆM VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH

Từ thập kỷ 1970 do sức ép của cuộc khủng hoảng năng lượng, ý tưởng phát triển kinh tế xanh (tăng trưởng xanh) bắt đầu được phát triển. Đến năm 2008, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) đã phát động “Sáng kiến kinh tế xanh” nhằm tăng cường phối hợp và hợp tác quốc tế để ứng phó với khủng hoảng tài chính và xử lý các vấn đề môi trường toàn cầu nhằm hướng tới phát triển bền vững của kinh tế thế giới.

Trong nhiều diễn đàn kinh tế (Hội nghị Bắc Ngao, Tương lai Châu Á, WEF...) và khuôn khổ hợp tác thế giới (G8, ESCAP...) vấn đề phát triển xanh cũng được đề cập đến như một phần nội dung chính. Trong hội nghị Thượng đỉnh G8 diễn ra tại Italia từ ngày 8 đến 10/7/2009 cũng đã nhấn mạnh các biện pháp kích thích tăng trưởng kinh tế của G8 phải ưu tiên khuyến khích tạo việc làm “xanh” và hướng tới tăng trưởng bền vững, sử dụng hiệu quả năng lượng; cam kết nỗ lực giảm hoặc dỡ bỏ các rào cản đối với hàng hóa, dịch vụ liên quan trực tiếp đến ứng phó biến đổi khí hậu, v.v...

Hiện nay trên thế giới có nhiều khái niệm về tăng trưởng xanh, điều này phản ánh những sự tiếp cận khác nhau trong vấn đề này. Sau đây là một số khái niệm của các tổ chức và quốc gia trên thế giới về tăng trưởng xanh.

Chương trình Môi trường của Liên Hiệp Quốc (UNEP): "Tăng trưởng xanh là định hướng mới thúc đẩy kinh tế phát triển theo những mô hình tiêu thụ và sản xuất bền vững, nhằm đảm bảo nguồn vốn tự nhiên tiếp tục cung cấp những nguồn lực và dịch vụ sinh thái mà đời sống của chúng ta phụ thuộc vào, cho thế hệ này cũng như cho những thế hệ mai sau" (Chương trình Môi trường của Liên Hiệp Quốc, 2006).

Còn Ngân hàng Thế giới (World Bank) thì cho rằng “Tăng trưởng xanh là quá trình tăng trưởng sử dụng tài nguyên hiệu quả, sạch hơn và tăng cường khả năng chống chịu mà không làm chậm quá trình này.” (World Bank, 2005)

Khái niệm tăng trưởng xanh của Hàn Quốc năm 2008: “Tăng trưởng xanh là sự tăng trưởng đạt được bằng cách tiết kiệm và sử dụng các nguồn tài nguyên và năng lượng hiệu quả để giảm thiểu biến đổi khí hậu và thiệt hại tới môi trường, tạo ra các động lực tăng trưởng mới thông qua nghiên cứu và phát triển công nghệ

xanh, tạo ra cơ hội việc làm mới và đạt được sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.” (Hàn Quốc, 2008)

Theo Tổ chức Sáng kiến tăng trưởng xanh của Liên Hợp Quốc: “Tăng trưởng xanh hay xây dựng nền kinh tế xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để đạt được kết quả tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn và giảm sự mất công bằng cho xã hội.” (Tổ chức Sáng kiến tăng trưởng xanh của Liên Hợp Quốc, 2007)

Theo Tổ chức hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD (Organization for Economic Co-operation and Development): “Tăng trưởng xanh là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đồng thời đảm bảo rằng các nguồn tài sản tự nhiên tiếp tục cung cấp các tài nguyên và dịch vụ môi trường cần thiết cho cuộc sống chúng ta. Để thực hiện điều này, tăng trưởng xanh phải là nhân tố xúc tác trong việc đầu tư và đổi mới, là cơ sở cho sự tăng trưởng bền vững và tăng cường tạo ra các cơ hội kinh tế mới.” (Tổ chức hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD, 2005)

Khái tăng trưởng xanh của Việt Nam: “Tăng trưởng xanh là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm lợi dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế bền vững.” (Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam, 2010)

Mặc dù có nhiều khái niệm khác nhau về tăng trưởng xanh nhưng nội dung của tăng trưởng xanh chủ yếu bao gồm các vấn đề sau:

1. Sản xuất và tiêu dùng bền vững;
2. Giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu;
3. Xanh hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua phát triển công nghệ xanh, phát triển các ngành công nghiệp cao, sử dụng ít tài nguyên, áp dụng các biện pháp sản xuất sạch;
4. Xây dựng cơ sở hạ tầng bền vững;
5. Bảo vệ, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên;

6. Cải tổ và áp dụng các công cụ kinh tế;

7. Xây dựng và thực hiện các chỉ số sinh thái.

1.1. KINH NGHIỆM TĂNG TRƯỞNG XANH TRÊN THẾ GIỚI

Phát triển nền kinh tế xanh đang trở thành một trong những ưu tiên của nhiều nước trên thế giới, bao gồm cả các nước phát triển và đang phát triển để ứng phó với khủng hoảng kinh tế cũng như trong chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu và vấn đề ô nhiễm môi trường. Nhiều nước rất chú trọng vấn đề phát triển xanh trong các gói kích thích kinh tế và trong chiến lược phát triển dài hạn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước đang phát triển ở Châu Á, Mỹ Latinh. Đầu tư cho phát triển xanh hiện chiếm 14% tổng giá trị các gói kích thích kinh tế toàn cầu (khoảng 3 nghìn tỷ USD), trong đó tập trung vào:

(1) Xây dựng nhà ở sử dụng hiệu quả năng lượng (Mỹ đầu tư khoảng 100 tỷ USD trong 4 năm cho phát triển nhà ở sử dụng hiệu quả năng lượng; Pháp đặt mục tiêu giảm 40% tiêu thụ năng lượng sinh hoạt đến 2020, v.v...);

(2) Năng lượng thay thế và tái tạo (đầu tư vào năng lượng tái tạo ở Trung Quốc tạo ra 1 triệu việc làm; Ấn Độ đặt mục tiêu đầu tư năng lượng sinh học tạo 900 nghìn việc làm đến năm 2025, v.v...);

(3) Giao thông tiết kiệm năng lượng;

(4) Phát triển nông nghiệp bền vững, sử dụng nước hiệu quả (Mỹ đầu tư 6 tỷ USD cho hạ tầng nước sạch trong 2 năm 2009-2010, Hàn Quốc đầu tư 12 tỷ USD để làm sạch 4 con sông lớn, v.v...).

Bên cạnh việc đầu tư từ các gói kích thích kinh tế của Chính phủ, các nước rất chú trọng sử dụng các biện pháp kích thích, đặc biệt là thuế và mua bán hạn ngạch khí thải (Mỹ, EU) để khuyến khích đầu tư và tiêu dùng sang các ngành, lĩnh vực và sản phẩm xanh. Ví dụ, để khuyến khích việc tiết kiệm năng lượng trong giao thông, nhiều nước hiện đã áp dụng thuế nhiên liệu (Ba Lan, Thụy Điển...), hạn ngạch giấy phép và thuế phương tiện giao thông (EU, Nhật Bản...), giảm hoặc miễn thuế phương tiện tiết kiệm nhiên liệu (Đức, Nhật Bản, Mỹ...), bảo hiểm môi trường bắt buộc, v.v... Ngoài ra, một số nước quy hoạch lại sử dụng đất đô thị và nông thôn (Trung Quốc, Ấn Độ...); sửa Luật môi trường theo hướng nâng tiêu chuẩn môi trường, quy định bắt buộc tái chế trong một số ngành, dán nhãn môi trường đối với nông sản, v.v... [7]

Mỹ dành khoảng 150 tỷ USD trong gói kích thích kinh tế 782 tỷ USD để đầu tư cho các lĩnh vực kinh tế xanh, nhất là năng lượng mới và tái tạo (năng lượng gió, mặt trời, hạt nhân...) và đặt mục tiêu đến năm 2025, các nguồn năng lượng tái tạo sẽ chiếm khoảng 25% lượng phát điện. Mỹ đã thành lập Cơ quan triển khai năng lượng sạch (CEDA) thuộc Bộ Năng lượng có chức năng như một ngân hàng xanh để huy động và giải ngân vốn đầu tư cho các chương trình năng lượng sạch. Hạ viện Mỹ thông qua dự luật chống biến đổi khí hậu vào tháng 6 năm 2009, với mục tiêu giảm khí thải nhà kính khoảng 17% vào năm 2020 so với năm 2005; áp dụng hạn ngạch khí thải và cho phép các công ty xả khí thải thấp hơn hạn ngạch có thể bán phần hạn mức khí thải không dùng hết cho các công ty khác. Từ 2012 - 2025, Mỹ dành 55% tiền thu được từ mua bán hạn ngạch khí thải cho bảo vệ người tiêu dùng trước tác động tăng giá nhiên liệu, 19% cho các dự án hỗ trợ chuyển đổi sang sử dụng năng lượng sạch. Việc thông qua dự luật về chống biến đổi khí hậu tại Hạ viện bước đầu khẳng định nỗ lực của chính quyền Tổng thống Obama trong việc điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế Mỹ theo hướng sử dụng hiệu quả năng lượng, song cũng bộc lộ mâu thuẫn sâu sắc giữa các nhóm lợi ích Mỹ, đặc biệt là sự phản ứng của nhóm lợi ích trong các ngành vận tải, hàng không, ô tô, dầu mỏ... cũng như thói quen tiêu dùng nhiều nhiên liệu, năng lượng của người dân Mỹ. [3]

Năm 2008, các nước EU đã thông qua luật bảo vệ môi trường với trọng tâm:

(1) Đặt mục tiêu đến năm 2020 tăng tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo từ 8,5% hiện nay lên 20% và giảm 20% lượng khí nhà kính;

(2) Đầu tư 0,5% GDP của EU cho việc thực hiện các mục tiêu nói trên;

(3) Áp dụng chế độ cấp hạn ngạch khí thải cho các ngành công nghiệp, theo đó từ 2013 trở đi EU bán đấu giá 60% giấy phép hạn ngạch khí thải trong lĩnh vực năng lượng và đến 2020 tất cả các công ty công nghiệp đều phải mua giấy phép hạn ngạch khí thải (trừ một số ngành như luyện kim, xi măng, hóa chất...). Đáng lưu ý, EU đi tiên phong kích đầu tư và tiêu dùng trong các ngành kinh tế xanh. Đức hàng năm dành 1/3 số tiền thu được từ đấu giá hạn ngạch khí thải trong Chương trình mua bán khí thải Châu Âu để hỗ trợ phát triển và chuyển giao công nghệ sạch. [3]

Hàn Quốc gần đây ưu tiên rất cao cho phát triển xanh không chỉ nhằm giải quyết thách thức năng lượng, môi trường mà còn tạo động lực tăng trưởng mới để rút ngắn khoảng cách với nhóm nước phát triển hàng đầu (G7). Tại Lễ kỷ niệm 60

năm quốc khánh, Tổng thống Li- Miung-Bắc đưa ra tầm nhìn mới “carbon thấp, tăng trưởng xanh”, coi đây là nền tảng cho phát triển của Hàn Quốc với mục tiêu chuyển từ mô hình phát triển phụ thuộc năng lượng hóa thạch, tăng trưởng theo chiều rộng sang mô hình phát triển dựa vào năng lượng tái tạo, tăng trưởng theo chiều sâu và bền vững môi trường. Tháng 1/2009, Hàn Quốc thông qua kế hoạch phát triển xanh (Green New Deal) gồm 36 dự án trị giá 37,8 tỷ USD, tạo 1 triệu việc làm trong 4 năm 2009-2012 nhằm đổi mới công nghệ, tăng cường năng lực cạnh tranh và nâng cao chất lượng sống ở Hàn Quốc. Các hạng mục chính của Kế hoạch này gồm: (i) Tái cơ cấu kinh tế theo hướng sử dụng năng lượng hiệu quả, trong đó ưu tiên 9 ngành chủ lực là thép, đóng tàu, chế tạo máy, ô tô, hóa dầu, dệt may, bán dẫn, màn hình và đồ điện gia dụng; (ii) Đầu tư xây dựng 2 triệu “ngôi nhà xanh”; (iii) Phát triển “vận tải xanh” thải ít carbon (đường sắt cao tốc, giao thông công cộng, đường xe đạp...); (iv) Cải tạo 4 con sông lớn để bảo đảm cung cấp nước bền vững, cải thiện môi trường sinh thái. [3]

Để triển khai mạnh hơn chiến lược phát triển xanh, tháng 7 năm 2009, Hàn Quốc thông qua kế hoạch năm năm về tăng trưởng xanh gồm ba chương trình hành động:

- (1) Ứng phó biến đổi khí hậu và bảo đảm tự chủ về năng lượng;
- (2) Tạo động lực tăng trưởng mới;
- (3) Cải thiện chất lượng sống.

Nội dung của Kế hoạch này gồm:

- Đầu tư 79 tỷ USD cho tăng trưởng xanh;
- Khuyến khích tư nhân đầu tư vào phát triển xanh;
- Từ 2012 – 2015, xe ô tô phải được thiết kế chạy tối thiểu 17 km/lít nhiên liệu hoặc thải dưới 140 gam khí/1 km;
- Xây dựng 14 thành phố năng lượng môi trường chỉ sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường; 48 cơ sở tái chế phế thải;
- Thành lập trường đại học chuyên về năng lượng môi trường để cung cấp nhân lực phục vụ phát triển xanh. [3]

Tại Trung Quốc cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu làm bộc lộ những điểm yếu của mô hình phát triển kinh tế tích tụ sau 30 năm cải cách - mở cửa (như cơ cấu kinh tế dựa vào gia công nhưng giá trị gia tăng không cao, tiêu hao nhiều tài

nguyên, năng lượng, phụ thuộc bên ngoài về nguyên liệu, xuất khẩu, mất cân đối nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, v.v...), thúc đẩy Trung Quốc định vị lại mô hình phát triển theo hướng hiệu quả và bền vững hơn. Trong gói kích thích kinh tế 586 tỷ USD, Trung Quốc coi trọng đầu tư cho đổi mới công nghệ, tái cơ cấu kinh tế, phát triển năng lượng tái tạo nhằm từng bước hướng tới phát triển xanh, chuyển dần sang mô hình tăng trưởng sử dụng hiệu quả năng lượng. Trung Quốc đang cơ cấu lại 10 ngành, nghề chủ chốt (thép, ô tô, xi măng, v.v...) nhằm tạo việc làm, nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời bước đầu hiện đại hóa các ngành này để tiếp cận công nghệ xanh, nhất là các ngành gây nhiều ô nhiễm. Với ô tô, Trung Quốc chuyển hướng chiến lược sang sản xuất ô tô tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng mới; với ngành thép, khống chế sản lượng ở mức 300 triệu tấn/năm, loại bỏ công nghệ lạc hậu. [3]

Tại một số nước ASEAN, Indonesia đang triển khai “Chương trình năng lượng 2025”, trong đó phân đầu giảm tỷ lệ sử dụng dầu thô xuống còn 20% tổng nhu cầu năng lượng; phát huy lợi thế trồng cọ và dầu gai để phát triển nhiên liệu sinh học. Indonesia chủ động hợp tác với nhiều nước (Ấn Độ, Brazil, Hàn Quốc...), khuyến khích đầu tư nước ngoài vào sản xuất nhiên liệu sinh học và sinh khối (biomass). Thái Lan khuyến khích đầu tư và sử dụng nhiên liệu sinh học, nhất là trong các ngành vận tải (nhiên liệu sinh học hiện chiếm 20% nhu cầu nhiên liệu trong ngành vận tải ở Thái Lan). Philippines đã ban hành Chương trình phát triển xanh, tranh thủ hỗ trợ của ADB để phát triển các dự án tái chế và thải ít carbon. [3]

1.2. TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI VIỆT NAM

1.3.1. Thực tiễn tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

Phát triển kinh tế ở Việt Nam những năm qua chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu nguyên liệu thô và sơ chế. Phát triển bền vững là chủ trương lớn nhưng chưa được thực hiện triệt để. Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã có chủ trương hướng tới một nền công nghiệp xanh, ít tiêu hao năng lượng, hạn chế sản xuất gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên việc thực hiện còn mang tính lẻ tẻ, chưa có tính đồng bộ do các lĩnh vực này chưa có chiến lược và quy hoạch phát triển rõ ràng theo hướng xanh. Đây cũng là tình hình chung của các lĩnh vực khác trong nền kinh tế. Sản xuất nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế trọng tâm trong phát triển xanh, đồng thời cũng là lợi thế lâu dài của Việt Nam, tuy nhiên sản xuất nông

ngành vẫn ở trình độ kém phát triển và có nguy cơ ngày càng tụt hậu xa hơn các ngành kinh tế khác.[5]

Từ thực tế đó, trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020, Chính phủ Việt Nam đã xác định là phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, trong đó đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt và lâu dài.

Tháng 9 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2030 và tầm nhìn 2050. Chiến lược này là tái cơ cấu nền kinh tế để tiến tới việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính thông qua nghiên cứu và áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để nâng cao hiệu quả kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu, xóa đói giảm nghèo, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Về cơ hội:

Hiện nay, sự quan tâm lớn nhất của cộng đồng Thế Giới là “biến đổi khí hậu”. Nhằm giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, các quốc gia có nhiều nỗ lực, trong phát triển kinh tế cacbon thấp, tăng trưởng xanh đang là những xu hướng mới trong lộ trình tiến tới “nền kinh tế xanh”. Việt Nam sẽ đón nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ của các quốc gia và các tổ chức quốc tế trên thế giới trong nỗ lực chung giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở hướng tới “Nền kinh tế xanh”.

Việt Nam đang có những thay đổi cơ bản sau 24 năm “Đổi mới và mở cửa”, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới một sự phát triển của con người, những yếu tố đó được thực hiện trong một môi trường chính trị ổn định là một cơ hội tốt cho triển khai thực hiện “nền kinh tế xanh”.

Tiếp tục triển khai, thực hiện chiến lược phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2011-2015, Hội nghị lần thứ 3 BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, đảm bảo phúc lợi và an sinh xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Như vậy, Việt Nam sẽ đẩy mạnh “Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng” trong thời gian sắp tới. Đây là cơ hội để Việt Nam hướng tới “Nền kinh tế xanh” và “Tăng trưởng xanh”.

Với lợi thế nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á, có nguồn năng lượng mặt trời dồi dào, năng lượng gió phong phú, sinh vật tăng trưởng nhanh là cơ hội Việt Nam tham các chương trình mục tiêu thiên niên kỉ để hướng tới “Nền kinh tế xanh”.

Về thách thức:

Trước hết, về nhận thức, hiểu thế nào là một “nền kinh tế xanh” hiện nay ở Việt Nam vẫn còn hết sức mới mẻ, đòi hỏi phải có những nghiên cứu và phổ biến rộng rãi kiến thức trong tầng lớp lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp và người dân. Nếu không nhận thức được đầy đủ, tính đồng thuận trong xã hội sẽ không đạt được, do vậy sẽ có thực hiện.

Thứ hai, về cách tiến hành, so với nền kinh tế truyền thống “nền kinh tế nâu”, xây dựng mô hình mới “nền kinh tế xanh”, thay đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế có sự khác biệt thế nào và bắt nguồn từ đâu trong bối cảnh phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, nền kinh tế xanh gắn với sử dụng năng lượng tái tạo, cacbon thấp, tăng trưởng xanh, đầu tư khôi phục hệ sinh thái, giải quyết sinh kế gắn với phục hồi môi trường... Thực tế công nghệ sản xuất ở Việt Nam hiện nay so với thế giới phần lớn là công nghệ cũ, tiêu hao năng lượng lớn, việc thay đổi công nghệ phù hợp với nền kinh tế xanh là thách thức không nhỏ nếu không có sự hỗ trợ của các nước có công nghệ cao trên thế giới.

Thứ tư, về việc huy động nguồn vốn cho việc “Xây dựng nền kinh tế xanh”, mặc dù Việt Nam đã thoát khỏi ngưỡng của nước nghèo nhưng tích lũy của quốc gia so với các nước phát còn quá thấp, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình triển khai hướng tới “Nền kinh tế xanh”.

Thứ năm, cơ chế chính sách hướng tới “Nền kinh tế xanh” ở Việt Nam hiện nay hầu như chưa có, trong khi trên thế giới mới đề xuất hướng tiếp cận. Việc rà soát lại cơ chế chính sách liên quan và sửa đổi bổ sung cho phù hợp với mô hình phát triển mới theo hướng cơ cấu lại ngành kinh tế và hướng tới “nền kinh tế xanh” là thách thức không nhỏ. [3]

1.3.2. Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam.

Tại Việt Nam, Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định phê duyệt Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 và

kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020 theo quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ. Hiện nay các bộ ngành và địa phương đang trong quá trình triển khai và thực hiện. Trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, nêu rõ như sau:

1/ Quan điểm chiến lược.[1]

- Tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.

- Tăng trưởng xanh phải do con người và vì con người, góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

- Tăng trưởng xanh dựa trên tăng cường đầu tư vào bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tự nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện nâng cao chất lượng môi trường, qua đó kích thích tăng trưởng kinh tế.

- Tăng trưởng xanh phải dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

- Tăng trưởng xanh là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

2/ Mục tiêu của chiến lược.[1]

* Mục tiêu chung.

Tăng trưởng xanh, tiến tới kinh tế cacbon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững, giảm phát thải và tăng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội.

* Mục tiêu cụ thể.

- Tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao.

- Nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó với hậu quả biến đổi khí hậu.

- Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh.

3/ Nhiệm vụ chiến lược.[1]

* Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo theo những chỉ tiêu chủ yếu sau:

Giai đoạn 2011-2020: giảm cường độ phát thải khí nhà kính 8-10% so với mức 2010, giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 1-1,5% mỗi năm. Giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 10% đến 20% so với dự án phát triển bình thường. Trong đó, mức tự nguyện khoảng 10%, 10% còn lại mức phân đấu khi có thêm hỗ trợ quốc tế.

Định hướng đến năm 2030: giảm mức phát thải khí nhà kính mỗi năm ít nhất khoảng 1,5-2%, giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 20% đến 30% so với các phương án phát triển bình thường. Trong đó, mức tự nguyện khoảng 20%, 10% còn lại là mức khi có thêm hỗ trợ quốc tế.

Định hướng đến năm 2050: giảm mức phát thải khí nhà kính mỗi năm 1,5-2%.”

* Xanh hóa sản xuất.

Thực hiện một chiến lược “công nghiệp hóa sạch” thông qua rà soát điều chỉnh những quy hoạch ngành hiện có, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển vốn tự nhiên, tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm.

Những chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020 gồm: giá trị sản phẩm ngành công nghệ cao, công nghệ xanh trong GDP là 42-45%, tỉ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường là 80%, áp dụng công nghệ sạch hơn là 50%, đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ bảo vệ môi trường và làm giàu vốn tự nhiên phân đấu đạt 3-4% GDP.

* Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Kết hợp lối sống đẹp truyền thống với những phương tiện văn minh hiện đại để tạo nên đời sống tiện nghi, chất lượng cao mang đậm bản sắc dân tộc cho xã hội Việt Nam hiện đại. Thực hiện đô thị hóa nhanh, bền vững, duy trì lối sống hòa hợp

với thiên nhiên ở nông thôn và tạo lập thói quen tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập với thế giới toàn cầu.

Những chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020 gồm: tỷ lệ đô thị loại III có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định: 60%, với đô thị loại IV, loại V và các làng nghề: 40%, cải thiện môi trường khu vực bị ô nhiễm nặng 100%, tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý hợp tiêu chuẩn theo quyết định số 2149/QĐ-TTg diện tích cây xanh đạt tương ứng tiêu chuẩn đô thị, tỷ trọng dịch vụ vận tải công cộng ở đô thị lớn và vừa 35-45%, tỷ lệ đô thị lớn và vừa đạt tiêu chí đô thị xanh phần đầu đạt 50%.

CHƯƠNG 2. TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI HẢI PHÒNG

2.1. HIỆN TRẠNG TĂNG TRƯỞNG CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG[8]

Hải Phòng là thành phố nằm ở vị trí trung tâm vùng duyên hải Bắc Bộ, là đầu mối giao thông quan trọng và cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc, giao lưu thuận lợi với các địa phương trong nước và quốc tế. Trải qua hơn một thế kỷ xây dựng và phát triển, đến nay Hải Phòng đã trở thành một thành phố công nghiệp, đô thị loại I của Việt Nam; là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế động lực phía Bắc; một trọng điểm phát triển kinh tế biển đảo của Việt Nam; có vị trí trọng yếu cả về kinh tế và quốc phòng, an ninh. Xây dựng và phát triển Hải Phòng về nhiều mặt còn có ý nghĩa quan trọng đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ thành phố, trong bối cảnh có những thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen; trong đó có những khó khăn, thách thức gay gắt, vượt xa so với dự báo; song được sự lãnh đạo, giúp đỡ của Trung ương; Đảng bộ, quân và dân thành phố đã nêu cao tinh thần đoàn kết, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đạt được những kết quả quan trọng, cơ bản hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, một số chỉ tiêu hoàn thành vượt mức và có đột phá.

Thế và lực thành phố được nâng cao, phát huy rõ hơn vai trò là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, phát huy ngày càng hiệu quả tiềm năng, lợi thế của thành phố; chủ động hơn trong hội nhập quốc tế, không gian kinh tế được mở rộng. Thực hiện tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả bước đầu đáng khích lệ. Cơ sở hạ tầng giao thông - đô thị và hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư, có sự phát triển mạnh, nhất là một số dự án lớn có ý nghĩa chiến lược đối với thành phố và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; tạo điều kiện cho sự phát triển đột phá trong thời gian tới. Môi trường đầu tư được cải thiện; thu hút nguồn lực đầu tư có sự khởi sắc, bứt phá, nhất là nguồn vốn FDI. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, phát triển và quản lý đô thị có tiến bộ. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được quan tâm. Chương trình xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo thực hiện và có kết quả bước đầu. Bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, quản lý và bảo vệ môi trường được tăng cường.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Thành phố còn một số hạn chế, yếu kém: Quy mô kinh tế, sức tác động lan tỏa của cực tăng trưởng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc còn hạn chế. Tiềm năng phát triển kinh tế biển, đảo chưa được phát huy tốt. Cơ cấu một số ngành kinh tế bất cập, hiệu quả thấp, tỷ trọng gia công còn cao, tỷ lệ nội địa hóa của các ngành công nghiệp chủ lực thấp, công nghiệp phụ trợ phát triển chậm. Việc phát triển một số dịch vụ có giá trị gia tăng cao gặp nhiều khó khăn, các dịch vụ giá trị cao như tài chính, tín dụng, ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng thấp (khoảng 2%).

Chất lượng tăng trưởng kinh tế còn bất cập, chưa thực sự đảm bảo tính bền vững, năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) chưa đóng góp nhiều vào tăng trưởng, chủ yếu vẫn dựa vào đầu tư mở rộng và tăng số lượng lao động. Thu ngân sách nhà nước địa phương chưa tương xứng với quy mô phát triển kinh tế, nhất là trong lĩnh vực cảng biển, hàng hải, đất đai, tài nguyên.

Sức cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp còn thấp, hoạt động sản xuất kinh doanh của một bộ phận doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn; số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tạm đóng mã số thuế trong nửa đầu nhiệm kỳ còn ở mức cao. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới, số vốn đăng ký chưa tương xứng do gặp nhiều khó khăn. Thành phố chưa có nhiều doanh nghiệp trong nước mạnh, tạo nguồn thu ngân sách lớn. Kinh tế tập thể (nòng cốt là hợp tác xã) còn gặp nhiều khó khăn, phát triển chưa đáp ứng yêu cầu.

Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu sự phát triển của thành phố. Hầu hết các dự án lớn, quan trọng chậm tiến độ. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nói chung và cơ sở hạ tầng giao thông, đô thị nói riêng chưa theo kịp yêu cầu phát triển, thiếu đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông đường bộ liên quan đến hoạt động của cảng biển; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội và cơ sở vui chơi, giải trí cho người dân chưa được quan tâm đúng mức.

Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, làm chậm tiến độ, giảm hiệu quả đầu tư. Một số công trình hạ tầng giao thông đô thị đã xác định trong Nghị quyết còn chậm hoặc chưa triển khai (đường 100m, đường vành đai 3, cầu Bính 2, đường Hồ Sen - Nguyễn Văn Linh...), còn thiếu chủ động trong việc xây dựng cơ chế, giải pháp tổng thể về bồi thường, tái định cư, hỗ trợ đào tạo, chuyển nghề và giải quyết việc làm cho những người có đất bị thu hồi phù hợp với đặc điểm của một thành phố đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Công tác đấu giá đất

còn nhiều khó khăn, vướng mắc, chưa đáp ứng yêu cầu là một nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển.

Xây dựng phát triển và quản lý đô thị nhìn chung chưa thật sự ngang tầm của đô thị loại I trung tâm cấp quốc gia. Công tác quy hoạch phát triển đô thị còn thiếu đồng bộ, một số đồ án chất lượng thấp, chưa rõ tính văn minh - hiện đại; tính công khai còn nhiều hạn chế; công tác quản lý còn bộc lộ nhiều sơ hở, yếu kém, gây khó khăn trong triển khai thực hiện. Công tác thiết kế đô thị còn chậm. Công tác quản lý quy hoạch còn tình trạng buông lỏng ở một số nơi. Quản lý trật tự xây dựng chưa theo kịp yêu cầu, tình trạng xây dựng không phép xảy ra ở nhiều địa phương.

Việc phát triển đô thị còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tương xứng với đô thị trung tâm cấp quốc gia; chỉnh trang đô thị chưa toàn diện, hiện đại, chưa thực sự xanh, sạch, đẹp. Tiến độ thực hiện một số khu đô thị mới chưa đạt yêu cầu, chưa hình thành được các khu đô thị mới ở Bắc sông Cẩm, Nam Tràng Cát... Một số công trình trọng điểm, tạo điểm nhấn trong phát triển đô thị chậm được triển khai: Khu trung tâm hành chính- chính trị thành phố; trung tâm hội nghị quốc tế tại Đồ Sơn; khu đô thị nổi đường Lạch Tray và đường Hồ Sen - Cầu Rào II; nút giao thông ngã 5 Quán Mau...

Công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên môi trường còn thiếu đồng bộ, chưa kiên quyết và thiếu kịp thời trong việc xử lý các sai phạm. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên còn tình trạng buông lỏng ở một số nơi, chậm được xử lý, dẫn tới sai phạm mà hậu quả khó khắc phục. Chất lượng môi trường tuy đã có bước cải thiện nhưng vẫn chưa thực sự bền vững, còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ ô nhiễm.

Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền còn nhiều hạn chế. Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn còn nhiều lúng túng, bất cập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Một số địa phương bộc lộ rõ sự yếu kém trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý cụ thể về quản lý kinh tế, đất đai, đô thị, tài chính, thực hiện chính sách xã hội.

Việc triển khai cải cách thủ tục hành chính còn nhiều tồn tại; một số thủ tục hành chính đã được điều chỉnh theo các văn bản của Trung ương, song chưa kịp thời cập nhật để sửa đổi, bổ sung. Sự phối hợp giữa chức năng quản lý nhà nước của các sở, ngành với nhiệm vụ quản lý nhà nước của các địa phương ở một số nơi còn hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành chưa phát huy hết tính năng, hiệu quả. Một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tu dưỡng, kiến thức quản lý nhà nước hạn chế, chưa làm tốt công tác vận động nhân dân, tinh thần

trách nhiệm thấp, vi phạm kỷ luật công vụ, vi phạm pháp luật, làm giảm niềm tin của nhân dân.

Chất lượng nguồn nhân lực được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá, song chưa theo kịp yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Đào tạo đại học và đào tạo nghề chất lượng chưa cao, còn thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động. Chưa huy động hiệu quả sự tham gia của các doanh nghiệp vào công tác đào tạo nguồn nhân lực.

2.2. NHỮNG CƠ HỘI TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA HẢI PHÒNG

Hải Phòng có nhiều lợi thế về phát triển kinh tế biển và trên thực tế kinh tế biển chiếm tỷ trọng rất đáng kể trong cơ cấu kinh tế của thành phố. Chính vì thế, trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Hải Phòng luôn được xem là thành phố cảng, là cửa chính ra biển của thủ đô Hà Nội và của miền Bắc, là trung tâm nghề cá, trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, là cực tăng trưởng quan trọng trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cũng như đông bắc Việt Nam. Hải Phòng nằm ở nút giao của hai hành lang và một vành đai kinh tế hợp tác phát triển giữa Việt Nam và Trung Quốc, nên thuận lợi trong hội nhập và hợp tác kinh tế thế giới, đặc biệt với các nước khu vực Đông Á. [2]

Yếu tố biển, đảo đã tạo cho Hải Phòng một vị thế địa chính trị-địa kinh tế-địa quân sự trọng yếu của miền bắc và cả nước. Các mảng không gian như: không gian ven biển Nam Đồ Sơn và Bắc Đồ Sơn, không gian biển đảo Cát Bà-Long Châu và không gian biển đảo Bạch Long Vĩ có tiềm năng và lợi thế khác nhau cần phải tính đến trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế trong dài hạn của thành phố. Khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả tiềm năng và lợi thế nói trên sẽ giúp kinh tế biển Hải Phòng phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững theo hướng tăng trưởng xanh.

Tăng trưởng xanh và kinh tế biển xanh đang trở thành mối quan tâm toàn cầu và được xem là động lực để phục hồi, thúc đẩy kinh tế toàn cầu và là công cụ để PTBV. Các nỗ lực quốc tế đã thể hiện rõ quan điểm và các bài học chia sẻ trong các Tuyên bố Đại dương Manadô, Tuyên bố Manila về Biến đổi khí hậu và Quản lý tổng hợp vùng bờ biển (2009), Tuyên bố Đại dương Rio+20, Chương trình Nghị sự Đại dương đến 2030 (2012), các Hội nghị thượng đỉnh Khu vực và Thế giới về

Kinh tế Đại dương và Tăng trưởng xanh vào cuối các năm 2012 và 2013 lần lượt ở Bali và Washington D.C.

Năm bất cơ hội, khắc phục các thách thức và khó khăn, thành phố Hải Phòng đang là một trong số ít địa phương trong cả nước đi đầu trong quá trình chuyển đổi từ nền “kinh tế nâu” sang “kinh tế xanh” để triển khai Kết luận số 72 của Bộ Chính trị về xây dựng Hải Phòng trở thành “Thành phố cảng xanh”. Là một thành phố ven biển, việc ưu tiên xây dựng kinh tế biển xanh hướng tới PTBV biển, đảo và vùng ven biển là một nhu cầu và đòi hỏi thực tế khách quan.

Để đạt được mục tiêu nói trên, đối với kinh tế biển xanh, Hải Phòng cần bốn yếu tố cơ bản: Phát triển một nền kinh tế biển hiệu quả và bền vững; Đầu tư cho khoa học biển và tăng cường năng lực công nghệ trong khai thác, sử dụng biển, đảo của các ngành kinh tế biển chủ chốt; Xác lập một cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý biển, đảo, vùng ven biển để giải quyết đồng bộ các quan hệ khác nhau trong phát triển; Mở rộng hợp tác đa phương và hội nhập quốc tế để phát triển biển và kinh tế biển xanh

Theo tinh thần đó, quan điểm chỉ đạo quan trọng của Hải Phòng là: thu hút mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội biển; bảo tồn nguồn vốn tự nhiên và môi trường biển một cách chủ động, tích cực mở cửa; giảm phát thải và xử lý chất thải trên các hải đảo và cảng. Phát huy đầy đủ, có hiệu quả các nguồn lực bên trong, tranh thủ hợp tác quốc tế, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài để xây dựng một nền kinh tế biển xanh ở thành phố. [2]

Chính vì vậy, các vấn đề cơ bản để xây dựng kinh tế biển xanh ở Hải Phòng cần sớm triển khai như xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách để hỗ trợ tăng trưởng xanh và kinh tế biển xanh; Nên ban hành một Nghị quyết riêng của thành ủy Hải Phòng để chỉ đạo việc triển khai Chiến lược và Kế hoạch quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020 phù hợp với đặc thù của một thành phố cảng-biển; Xây dựng một kế hoạch tổng thể với tầm nhìn dài hạn về khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo của thành phố, bảo đảm an ninh năng lượng, phát triển kinh tế biển xanh hướng tới PTBV; Chú trọng áp dụng các giải pháp khai thác các giá trị chức năng, phi vật chất và có khả năng tái tạo của các hệ thống tài nguyên biển, ven biển và hải đảo; Triển khai quy hoạch sử dụng biển và hải đảo (với việc áp dụng công cụ quy hoạch không gian biển dựa vào hệ sinh thái) ở cấp độ khác nhau đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở đó phân bổ nguồn

lực và điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các ngành, địa phương nhằm tiến tới chấm dứt việc khai thác biển, đảo và vùng ven biển một cách tự phát, thiếu quy hoạch, góp phần giảm thiểu mâu thuẫn trong sử dụng không gian biển.

Xây dựng và thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ biển, bao gồm thiết chế tổ chức và cơ chế, chính sách phối hợp liên ngành và phân vùng chức năng vùng bờ cho phát triển bền vững. Phấn đấu đến năm 2020 toàn bộ dải bờ biển của thành phố được áp dụng phương thức quản lý tổng hợp ở mức độ khác nhau; Chủ động nghiên cứu các tác động của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng đến vùng ven biển, biển và hải đảo Hải Phòng và đề xuất giải pháp thích ứng và giảm thiểu.

Đưa các cân nhắc và các vấn đề môi trường - tài nguyên biển và các rủi ro vào các dự án đầu tư phát triển, các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở vùng ven biển, biển và hải đảo của thành phố; Quản lý và xử lý hiệu quả các chất thải, chất gây ô nhiễm trước khi đổ ra biển từ nguồn đất liền, từ các hoạt động kinh tế trên biển, ở các cảng và trên các hải đảo. Tăng cường kiểm soát và sẵn sàng ứng cứu các sự cố môi trường biển, các vụ tràn dầu không rõ nguồn gốc,...Ngăn ngừa suy thoái và phục hồi các habitat đã bị mất, các hệ sinh thái quan trọng (rạn san hô, rừng ngập mặn, thảm cỏ biển) đã bị suy thoái. Xây dựng cảng xanh, các con tàu xanh.

Quản lý hiệu quả các khu bảo tồn thiên nhiên biển và trên đảo Cát Bà, Long Châu và Bạch Long Vĩ để phát triển nghề cá và du lịch sinh thái biển bền vững. Bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học biển và nguồn lợi thủy sản, nguồn giống hải sản tự nhiên,...đang giám sát. Trước mắt tái cơ cấu kinh tế thủy sản theo hướng ưu tiên đánh bắt xa bờ, duy trì đánh bắt gần bờ hợp lý.

Trên cơ sở đó tổ chức lại nghề cá xa bờ theo hướng CNH, HĐH và áp dụng mô hình đồng quản lý nghề cá nhỏ ven bờ; Thường xuyên nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư ven biển và trên các đảo về kinh tế biển xanh. Cải thiện sinh kế và xoá đói giảm nghèo, trên cơ sở đó giúp họ thay đổi hành vi cá nhân của cộng đồng trong cách đối xử với môi trường biển; Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường biển, phát triển khoa học-công nghệ biển, xây dựng kết cấu hạ tầng cho kinh tế biển gắn với phát triển mạnh các ngành dịch vụ.

Hải Phòng là thành phố ven biển trực thuộc trung ương, nằm ở trung tâm vùng duyên hải Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 102 km. Vùng biển Hải Phòng có diện tích khoảng 4.000 km², gấp 2,6 lần diện tích đất liền của thành phố, chiếm 5,4% diện tích vịnh Bắc Bộ. Toàn bộ phần đất liền của thành phố được biển và các sông bao bọc và có 6 cửa sông chính đổ ra biển trên chiều dài 125 km đường bờ biển Hải Phòng, như: cửa sông Thái Bình, cửa sông Văn Úc (nam Đồ Sơn), cửa Lạch Tray, cửa sông Cấm, cửa Bạch Đằng và cửa Lạch Huyện (ở phía bắc Đồ Sơn). Hiện nay chỉ còn 5 cửa sông do cửa Cấm bị bồi lấp hoàn toàn sau đắp đập Đình Vũ năm 1978. Hải Phòng có 3 quận (Đồ Sơn, Dương Kinh, Hải An) và 3 huyện (Tiên Lãng, Kiến Thụy, Thủy Nguyên) tiếp giáp với biển và 2 huyện đảo là Cát Hải và Bạch Long Vĩ. [2]

2.3. KẾ HOẠCH TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA HẢI PHÒNG

Để triển khai thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 10/10/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 32- NQ/TW ngày 05/8/2003 của Bộ Chính trị khóa IX “Về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của thành phố Hải Phòng với nội dung cụ thể như sau:

1. Mục đích:

Kế hoạch hành động này nhằm quán triệt và triển khai, cụ thể hóa những nội dung của Quyết định số 1393/QĐ-TTg và số 403/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, làm cơ sở để các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng, với vai trò là cửa ngõ và trung tâm công nghiệp trọng điểm của miền Bắc Việt Nam, theo hướng bền vững, trở thành thành phố Cảng xanh, văn minh, hiện đại.

2. Các nội dung và giải pháp chính.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức về vai trò, sự cần thiết thực hiện tăng trưởng xanh, về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Nghiên cứu, xác định hệ thống các chỉ tiêu, chỉ số đánh giá tăng trưởng xanh phù hợp với điều kiện của thành phố từng giai đoạn và lồng ghép các chỉ tiêu này vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, các ngành.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình xanh như: thành phố Cảng xanh, đô thị xanh, công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh, môi trường xanh,...

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động của thành phố thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu, đổi mới mô hình tăng trưởng và Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

- Đổi mới công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng rộng rãi công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh vào sản xuất.

- Sử dụng năng lượng và tài nguyên một cách tiết kiệm, nâng cao hiệu suất năng lượng trong sản xuất và tiêu dùng góp phần giảm cường độ phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; thúc đẩy phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

- Đổi mới kỹ thuật canh tác, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản để giảm cường độ phát thải khí nhà kính.

Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ về khoa học - công nghệ, kỹ thuật nhằm khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia ứng dụng để sản xuất và phát triển các sản phẩm xanh trong các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản.

Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Kết hợp nếp sống truyền thống với những phương tiện văn minh, hiện đại, thực hiện đô thị hóa nhanh, bền vững, duy trì lối sống hòa hợp với thiên nhiên ở

nông thôn. Đẩy mạnh việc thực hiện lối sống xanh và tạo lập thói quen tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đổi mới công tác quy hoạch đô thị, sử dụng đất, quy hoạch ngành... bám sát mục tiêu tăng trưởng xanh.

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành sản xuất, dần hạn chế những ngành phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của các đối tác nước ngoài, các tổ chức quốc tế hoạt động trong và ngoài nước trong thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên về việc thực hiện hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh.

CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI HẢI PHÒNG

3.1. GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

3.1.1. Mục tiêu

Xây dựng xã hội dạng tuần hoàn tài nguyên và xử lý thích hợp rác thải.

- Cùng với việc xây dựng hệ thống xã hội xử lý thích hợp rác thải và tái sử dụng làm tài nguyên, tạo ra ngành kinh doanh tái chế mới.

- Xây dựng lối sống và phương thức sản xuất ít phát sinh rác thải, xây dựng xã hội ít gây ảnh hưởng đến môi trường cũng như ít phát thải khí nhà kính từ rác thải.

3.1.2. Giải pháp định hướng

Hải Phòng là thành phố có tốc độ phát triển công nghiệp và kinh tế khá nhanh, sự phát triển đó kéo theo hệ lụy rất lớn là tình trạng ô nhiễm môi trường. Hiện nay, vấn đề xử lý rác thải tại thành phố vẫn chỉ là tạm thời, chưa nghiêm ngặt như vẫn để tình trạng chất thải nguy hại lẫn trong chất thải không nguy hại, được xử lý theo hình thức chôn lấp vv. Do vậy, cần thiết đưa vào triển khai hệ thống xử lý cao độ toàn bộ chất thải đảm bảo cả 2 yếu tố cacbon thấp và sử dụng quay vòng tài nguyên nhằm mục tiêu hiện thực hóa hệ thống xử lý, tái chế phù hợp hơn, đồng thời phát huy hiệu quả mô hình áp dụng nguyên lí thị trường với các loại rác thải có giá trị, sau đó tái sử dụng, tái chế.

Tiến hành thu gom, phân loại rác thải từ các hộ gia đình và các doanh nghiệp thành rác thải không nguy hại, rác thải nguy hại (bao gồm các loại rác thải máy móc, điện tử vv).

Bảng 3.1. Giải pháp quản lý rác thải sinh hoạt

Khu vực nông thôn	Khu vực đô thị
Để thực hiện phân loại và compost hóa rác sinh hoạt tại khu vực nông thôn, tiến hành xây dựng cơ sở xử lý rác trung gian (dây chuyền phân loại và dây chuyền compost hóa) công suất	Tiến hành vận hành nhà máy phân bón công suất 200t/ngày theo hướng phù hợp để sản xuất phân ủ từ rác thải và rác từ chợ để bán cho người nông dân hoặc cho công ty phân bón.

<p>40t/ngày. Cơ sở này sẽ tiến hành tài nguyên hóa rác thải có giá trị và sản xuất ra phân compost.</p> <p>Phân compost sản xuất ra được bán cho người nông dân hoặc cho công ty phân bón nhằm phổ cập nền nông nghiệp xanh.</p>	<p>Về dài hạn, sẽ tiến hành xây dựng hệ thống phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt, xúc tiến giảm bớt lượng rác phát sinh đồng thời tài nguyên hóa rác.</p>
--	--

Xử lý hợp lý và tái chế rác thải công nghiệp: Thúc đẩy tái chế rác thải công nghiệp bằng các hình thức như xúc tiến xử lý hợp lý rác thải công nghiệp từ nhà máy, sử dụng tro từ nhà máy nhiệt điện đốt than làm nguyên liệu xi măng, nhiên liệu...

3.1.3. Các giải pháp cụ thể

- Xây dựng và triển khai mô hình phân loại rác thải đô thị tại nguồn.
- Đánh giá và nâng cao hiệu quả sản xuất phân compost của nhà máy sản xuất phân compost hiện có.
- Nghiên cứu dự án xây dựng nhà máy sản xuất điện từ rác thải đô thị để hạn chế lượng rác thải phải chôn lấp, tăng thời gian hoạt động của các bãi chôn lấp đang hoạt động.
- Nghiên cứu cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt khu vực nông thôn.
- Nghiên cứu, triển khai dự án tái chế rác thải công nghiệp thành nguyên liệu sản xuất cho một số lĩnh vực. Ví dụ: tái chế rác thải thành nguyên liệu sản xuất xi măng.
- Nghiên cứu xây dựng, triển khai mô hình điểm thu gom các sản phẩm sau sử dụng.

3.2. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

3.2.1. Mục tiêu

Quản lý năng lượng hiệu quả và thúc đẩy sử dụng đa dạng năng lượng xanh.

- Trong các lĩnh vực có lượng khí thải hiệu ứng nhà kính lớn nhất phải thúc đẩy sử dụng hiệu quả năng lượng, khuyến khích tiết kiệm năng lượng để hướng tới giảm lượng lớn khí nhà kính.

- Xây dựng thể chế có thể thực hiện tốt ở cả hai mặt kinh tế và môi trường cụ thể như đưa vào áp dụng công nghệ mới để thực hiện các điều nêu trên, xây dựng các ngành mới liên quan đến sử dụng năng lượng tái tạo được như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, sinh khối vv..

Việc thực hiện thành công tăng trưởng xanh cũng như là đưa tăng trưởng cacbon thấp kết hợp với một sự phát triển kinh tế phát thải nhiều cacbon và sử dụng nhiều năng lượng. Điều này yêu cầu việc cắt giảm đáng kể cacbon và sử dụng nhiều năng lượng. Hải phòng là một thành phố công nghiệp cần thúc đẩy hơn nữa hoạt động tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả và sản xuất sạch hơn.

3.2.2. Giải pháp định hướng

- Nâng cao năng suất sử dụng năng lượng tại các cơ sở công nghiệp trên địa bàn thành phố;
- Nâng cao năng suất sử dụng năng lượng tại công trình thương mại, tòa nhà văn phòng;
- Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các nhà máy
- Sử dụng năng lượng tái tạo được
- Tiết kiệm năng lượng của công trình công cộng
- Xúc tiến quản lý năng lượng
- Củng cố thể chế thúc đẩy tiết kiệm năng lượng

3.2.3. Các giải pháp cụ thể

*** Tiết kiệm năng lượng**

Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm, có hiệu quả trong các công trình công cộng, các tòa nhà văn phòng và cơ quan làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước.

Thúc đẩy sử dụng chiếu sáng tiết kiệm năng lượng bằng đèn LED đối với chiếu sáng đường phố, đèn đường, tận dụng ánh sáng tự nhiên trong các công trình hiện hữu và xây mới.

*** Sử dụng năng lượng hiệu quả**

Nâng cao năng suất sử dụng hiệu quả tại các nhà máy:

Tiến hành tính toán về tiết kiệm năng lượng phát huy vai trò của Trung tâm tiết kiệm năng lượng nhằm đẩy mạnh nỗ lực tiết kiệm năng lượng của các doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng lớn.

Tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng năng lượng ngay cả trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Nâng cao năng suất sử dụng năng lượng tại công trình thương mại, tòa nhà văn phòng:

Thúc đẩy tính toán tiết kiệm năng lượng trong các công trình thương mại quy mô lớn và các tòa nhà văn phòng với khối lượng tiêu thụ năng lượng hàng năm khoảng 500TOE được đề cập trong luật tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm năng lượng trong các thiết bị chiếu sáng hay điều hòa tiêu thụ điện năng, sử dụng nguồn điện dạng phân tán để sử dụng năng lượng tái chế.

Đưa vào sử dụng các nguồn năng lượng tái chế ngay cả trong các công trình quy mô vừa và nhỏ, đặc biệt là xây mới.

* Áp dụng sản xuất sạch hơn trong nhà máy.

Điều chỉnh quy trình sản xuất để thực hiện sử dụng năng lượng hiệu quả và nguyên vật liệu trong các nhà máy đặc biệt là các công trình phụ trợ (đúc, gia công kim loại) nhằm thúc đẩy tiết kiệm năng lượng.

Tổ chức áp dụng các kỹ thuật mới và tăng cường tư vấn sản xuất sạch hơn.

Xây dựng nền tảng thúc đẩy sản xuất sạch hơn bằng việc liên kết với các cơ quan đào tạo nghiên cứu trong thành phố.

Bên cạnh các giải pháp tối ưu hóa các nhà máy, xúc tiến trao đổi dư nhiệt giữa các nhà máy để đẩy mạnh hơn nữa việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, tiến tới tối ưu hóa trong cả vùng.

* Thúc đẩy sử dụng nguồn năng lượng tái tạo như phát điện bằng năng lượng mặt trời, nhiệt mặt trời, năng lượng gió quy mô nhỏ...trong khuôn khổ đưa vào nguồn điện dạng phân tán nhằm giải quyết vấn đề thiếu điện năng.

* Xúc tiến quản lý năng lượng

Áp dụng hệ thống quản lý năng lượng sử dụng đồng hồ điện thông minh trong các nhà máy, tòa nhà văn phòng, công trình thương mại, nhà ở, tối ưu hóa sử dụng năng lượng và trang bị chức năng tự điều khiển khi cao điểm.

Tăng cường tuyên truyền và hướng dẫn các doanh nghiệp cũng như người dân thúc đẩy mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3.3. GIẢI PHÁP CHO LĨNH VỰC GIAO THÔNG

3.3.1. Mục tiêu

Đưa vào hệ thống giao thông công cộng ít cacbon và chuyển đổi hình thức vận tải khối lượng lớn từ xe tải sang tàu thuyền, đường sắt...

Xây dựng hệ thống giao thông công cộng dựa trên các phương tiện giao thông ít gây ô nhiễm, hướng tới xây dựng đường bộ, đường thủy có khả năng vận tải hiệu quả hàng hóa khối lượng lớn để nhằm chuyển hướng sang hệ thống vừa bảo đảm tính thuận tiện vừa giảm gánh nặng cho môi trường.

3.3.2. Giải pháp định hướng

- Xây dựng hệ thống giao thông công cộng
- Phổ biến xe ít gây ô nhiễm
- Tăng cường cơ sở hạ tầng giao thông để giảm thiểu ùn tắc giao thông
- Thúc đẩy hình thành các đầu mối logistics đường bộ, đường biển, đường không.
- Chuyển đổi hình thức vận tải lớn
- Thúc đẩy áp dụng các giải pháp về kiểm soát khí thải giao thông
- Thúc đẩy quản lý giao thông
- Xúc tiến xây dựng một thành phố ít phát sinh cacbon vận dụng hiệu quả chính sách giao thông.

3.3.3. Các giải pháp cụ thể

- * Thúc đẩy quản lý giao thông

Quan điểm quản lý di động với các phong trào kêu gọi xúc tiến chuyển đổi từ xe ô tô, xe máy sang đi xe bus. Để nâng cao tính thuận tiện, dịch vụ của xe bus công cộng, cần xem xét lại lộ trình xe bus, bố trí tuyến đường dành riêng cho xe bus, cải thiện trạm xe bus, phát hành bảng giờ vận hành và sơ đồ lộ trình xe bus, thúc đẩy người dân chuyển từ xe máy và xe ô tô riêng sang xe bus.

Cải thiện hình ảnh xe bus bằng cách vận hành đúng thời gian biểu quy định



- Lập thời gian biểu (tóm tắt thông tin bến xe và thời gian xe đến).
- Dán thời gian biểu lên xe bus, đăng lên internet để người sử dụng có thể tra cứu.
- Người lái xe cần vận hành đúng thời gian biểu đã lập.

Hình 3.1. Mô hình quản lý hoạt động xe bus

Giải tỏa lấn chiếm vỉa hè, trả lại lối đi lại cho người đi bộ, xây dựng đường dành riêng cho xe đạp và người đi bộ, thúc đẩy thực hiện lối sống ECO thân thiện với môi trường, cải thiện sức khỏe cụ thể là sử dụng xe đạp hoặc đi bộ thay vì xe máy và ô tô khi di chuyển những nơi có khoảng cách gần.

* Xây dựng hệ thống giao thông công cộng ít gây ô nhiễm.

Thúc đẩy chuyển đổi từ các phương tiện phát sinh khí thải gây ô nhiễm không khí như ô tô, xe máy sang các phương tiện như xe bus công cộng, đồng thời ưu tiên đưa các xe dạng ít gây ô nhiễm như xe bus điện.

Hướng tới hình thành hệ thống giao thông công cộng thân thiện với môi trường nhờ đưa vào xe bus điện ít ô nhiễm dạng nạp điện sử dụng các nhiên liệu có thể tái tạo được như phát điện mặt trời vv và cải thiện quản lý vận hành.

Về lâu dài cần tính tới xây dựng hệ thống phương tiện công cộng vận chuyển lớn theo đường ray như tàu điện..

Xây dựng giải pháp chuyển đổi dần từ xe máy sử dụng xăng sang xe máy sử dụng điện ít gây ô nhiễm.

* Phát triển hạ tầng giao thông trong đô thị

- Quy hoạch và phát triển mạng lưới đường vành đai để hạn chế các phương tiện vận tải đi vào nội thành

- Xây dựng các nút giao thông lập thể tại các điểm giao có mật độ lưu lượng giao thông lớn

* Thúc đẩy các giải pháp về giảm thiểu khí thải

- Hướng tới nâng cấp tiêu chuẩn về khí thải hiện nay từ Euro II lên Euro IV để giải quyết vấn đề khí thải từ xe ô tô và xe máy đồng thời triệt để áp dụng quy chế đối với xe quá hạn đăng kiểm, thúc đẩy chuyển đổi từ xe cũ không đạt tiêu chuẩn về khí thải sang xe mới.

Phổ cập hình thức lái xe sinh thái điển hình như chức năng tắt máy tạm thời .v.v. triển khai các hoạt động kêu gọi, tuyên truyền.

3.4. GIẢI PHÁP CHO LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC

3.4.1. Mục tiêu

Tăng tỷ lệ cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, đảm bảo nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất trong tương lai.

Nâng cao hiệu quả hệ thống thoát nước đô thị, giảm thiểu ngập nước tại khu vực trung tâm

Tăng cường xử lý nước thải công nghiệp, y tế và sinh hoạt.

3.4.2. Giải pháp định hướng

* *Lĩnh vực cấp nước*

- Xây dựng hệ thống cấp nước sạch khu vực nông thôn, xây dựng các nhà máy xử lý nước cấp bằng quy mô nhỏ bằng công nghệ tiên tiến.

- Xây dựng giải pháp bảo vệ các nguồn nước cấp đang khai thác

- Quy hoạch các nguồn nước mới để chuẩn bị cho sự gia tăng nhu cầu trong tương lai

- Cải thiện tỷ lệ thất thoát nước cấp

* *Lĩnh vực thoát nước*

- Tăng cường xử lý nước thải công nghiệp tại các cụm công nghiệp, các làng nghề, nước thải y tế.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đô thị tập trung

- Xây dựng các công trình thoát nước cưỡng bức để chủ động chống ngập úng cho khu vực nội thành khi triều cường và mưa lớn.

3.4.3. Giải pháp cụ thể

(1) Xây dựng đường hệ thống cấp nước khu vực nông thôn

- Tại khu vực nông thôn, tỉ lệ sử dụng nước đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia chỉ xấp xỉ 58,9%, cần xúc tiến xây dựng đường ống cấp nước tại khu vực nông thôn.

(2) Bảo vệ nguồn tài nguyên nước hiện hữu

- Sông cấp nước chính đang bị ô nhiễm do thoát nước từ sinh hoạt, nước thải công nghiệp và nước xả ra ở nông thôn. (Đặc biệt vào mùa khô lượng nước sông giảm mạnh khiến ô nhiễm ngày càng gia tăng)

- Tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp và các ban ngành, đoàn thể nhận thức được việc bảo vệ nguồn nước ngọt là hết sức cấp bách, có ý nghĩa quyết định với sự sống.

- Ứng dụng mô hình quản lý, bảo vệ tài nguyên nước có sự tham gia của cộng đồng dân cư, với quan điểm nước là tài sản chung nhưng đồng thời đó cũng là hàng hóa kinh tế.

Tăng cường kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác và sử dụng nguồn nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, bền vững. Thống kê, kiểm kê các nguồn xả thải vào nguồn nước, phân vùng nguồn nước theo mục đích khai thác, sử dụng, bảo vệ các sông Rế, sông Giá, sông Đa Độ, sông Chanh Dương, kênh Hòn Ngọc và hệ thống thủy nông Tiên Lãng.

- Thiết lập, xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin và ứng dụng mô hình tổng thể để đánh giá và dự báo một cách hệ thống và đầy đủ diễn biến số lượng, chất lượng nguồn nước mặt của thành phố; phạm vi, mức độ và các mối quan hệ giữa các nguồn gây ô nhiễm tới chất lượng nguồn nước và các sông cấp nước ngọt. Đồng thời, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật phục vụ quản lý tài nguyên nước.

- Chủ động xây dựng các cơ chế, chính sách kiểm soát ô nhiễm nguồn nước liên tỉnh Hải Phòng - Hải Dương - Thái Bình, Hải Phòng - Quảng Ninh trong cùng một lưu vực sông nhằm đảm bảo yêu cầu kiểm soát tổng thể toàn diện về tổng trữ lượng và chất lượng nước trong các lưu vực sông.

- Xây dựng chương trình kiểm soát nguồn gây ô nhiễm phân tán trong lưu vực các sông, kênh như trồng cây trên các bãi lọc nhằm giảm vận tốc dòng chảy,

tăng khả năng lắng cặn trên bãi; giảm xói mòn và sục cặn từ đáy... Ngoài ra, thành phố tăng cường hợp tác quốc tế để học tập kinh nghiệm, nhận chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật và tranh thủ các nguồn viện trợ, huy động kinh phí để đạt mục tiêu đề ra.

(3) Bảo đảm nguồn nước mới

- Để chuẩn bị cho sự gia tăng nhu cầu sử dụng nước bởi dân số tăng và kinh tế phát triển hơn trong tương lai cần phát triển nguồn nước với tầm nhìn dài hạn.

(4) Cải thiện tỉ lệ thất thoát nước

Nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến trong cấp nước để giảm lượng nước thất thoát.

(5) Xử lý, thoát nước thải công nghiệp, thoát nước thải y tế, nước thải làng nghề

- Xây dựng các trạm xử lý nước thải công nghiệp tại các cụm, KCN chưa có hệ thống xử lý nước thải.

- Phục hồi hoặc xây dựng mới các trạm xử lý nước thải y tế tại các cơ sở y tế cấp quận huyện

- Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại một số làng nghề

(6) Khẩn cấp xây dựng trạm xử lý nước thải

- Hiện nay, nước thải ra từ hộ gia đình, văn phòng hoàn toàn không được xử lý trở thành nguyên nhân gây ô nhiễm sông do vậy cần phải xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

(7) Cần có biện pháp chống ngập nước tại khu trung tâm

Thành phố Hải Phòng nằm ở vùng đất thấp bao quanh bởi sông, dễ chịu ảnh hưởng của triều nên gặp nhiều khó khăn trong thoát nước mưa. Cần xây dựng cống thoát nước mưa, bơm thoát nước, cửa cống, đê điều vv.

- Tại khu vực trung tâm, vào những ngày mưa rơi 100mm/ngày đúng lúc triều cường thường xảy ra ngập khoảng 2~3 tiếng.

- Những năm gần đây những cơn mưa quy mô xác suất 10 năm (300mm/ngày) thường xảy ra 2 năm 1 lần.

KẾT LUẬN

Tăng trưởng xanh là một xu hướng tất yếu của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới trong xu thế cả thế giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức về môi trường và tài nguyên. Hải Phòng đang trong quá trình tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng không thể đứng ngoài xu thế chung của Việt Nam và thế giới. Hải Phòng đã và đang phấn đấu để trở thành thành phố cảng xanh, điều này được thể hiện trong các Nghị quyết, Chiến lược phát triển của thành phố. Nhiều dự án và chương trình thúc đẩy tăng trưởng xanh đang được triển khai tại Hải Phòng. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này nhóm nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh của thành phố Hải Phòng. Các giải pháp bao gồm:

- Các giải pháp về quản lý rác thải
- Các giải pháp về quản lý năng lượng
- Các giải pháp cho lĩnh vực giao thông vận tải
- Các giải pháp về cấp thoát nước

Các giải pháp được đề xuất trong đề tài này chủ yếu mang tính chất định hướng, còn các giải pháp hành động cụ thể cần được triển khai thông qua những dự án cho mỗi nội dung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Thủ tướng Chính phủ, số 1393/QĐ-Ttg ngày 25 tháng 9 năm 2012.
2. PGS.TS. Nguyễn Chu Hồi, Hải Phòng quyết liệt chuyển đổi từ kinh tế nâu sang kinh tế xanh, <http://www.baophapluat.vn> 9/7/2014.
3. TS. Nguyễn Mạnh Hùng, Một số xu thế chuyển đổi sang nền kinh tế xanh của thế giới và hàm ý cho Việt Nam, Hội thảo khoa học quốc tế “Chiến lược tăng trưởng xanh của Hàn Quốc và những gợi ý cho Việt Nam, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Hà Nội, ngày 27/12/2011
4. Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, UBND thành phố Hải Phòng, số 1463/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014.
5. ThS. Phạm Thị Xuân Mai, Tăng trưởng xanh: Lý luận và thực tiễn <http://www.vusta.vn> 28/08/2013.
6. Quy hoạch thúc đẩy tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng, UBND thành phố Hải Phòng – UBND thành phố Kytakyusyu (Nhật Bản), tháng 3 năm 2015.
7. PGS.TS. Bùi Quang Thuấn. Khai thác và sử dụng năng lượng xanh ở Việt Nam, Hội thảo khoa học quốc tế “Chiến lược tăng trưởng xanh của Hàn Quốc và những gợi ý cho Việt Nam, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Hà Nội, ngày 27/12/2011
8. Thành ủy Hải Phòng (2015), Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ thành phố Hải Phòng khóa XV nhiệm kỳ 2016 -2020.
9. Bùi Quang Tuấn (2011), Khai thác và sử dụng năng lượng xanh ở Việt Nam, Hội thảo khoa học quốc tế “Chiến lược tăng trưởng xanh của Hàn Quốc và những gợi ý cho Việt Nam, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Hà Nội, ngày 27/12/2011